| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 31 /2023/NQ-HĐND | *Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 12 năm 2023* |

# NGHỊ QUYẾT
## Đặt tên đường tại thành phố Huế (đợt XII)

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
## KHÓA VIII, KỲ HỌP LẦN THỨ 7

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;*

*Xét Tờ trình số 13025/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết đặt tên đường tại thành phố Huế đợt XII; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Đặt tên đường tại thành phố Huế (đợt XII) gồm: 24 tuyến đường (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2023./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Các Bộ: VH, TT&DL; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP Huế;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Trường Lưu**

**Phụ lục**

**DANH SÁCH ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ HUẾ (ĐỢT XII)**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 31/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

| TT | Tên đường cũ | Điểm đầu | Điểm cuối | Vị trí | Chiều dài (m) | Bề rộng (m) | | Loại mặt đường | Tên đường mới |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Nền | Mặt đường | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| **I** | **PHƯỜNG AN ĐÔNG: 05 tuyến** | | | | | | | | |
| 1 | Đường QH 24m, trước trường THPT Chi Lăng | Nguyễn Khoa Diệu Hồng | Lê Trung Tông | An Đông | 700 | 24 | 15 | Nhựa | **Đại Cồ Việt** |
| 2 | Đường tại khu TĐC TDP19 (đoạn 1) | Đại Cồ Việt | Nguyễn Khoa Diệu Hồng | An Đông | 110 | 12 | 6 | Nhựa | **Đại Cồ Việt 1** |
| 3 | Đường tại khu TĐC TDP19 (đoạn 2) | Đại Cồ Việt | Nguyễn Khoa Diệu Hồng | An Đông | 110 | 12 | 6 | Nhựa | **Đại Cồ Việt 3** |
| 4 | Đoạn cuối đường Phan Anh (*đoạn kéo dài của đường số 8 KĐT An Cựu City*) | Phan Anh | Nguyễn Duy Trinh | An Đông | 110 | 9,5 | 6 | Nhựa | **An Thủy** |
| 5 | Đoạn cuối đường Phan Anh (*đoạn kéo dài của đường số 10 KĐT An Cựu City*) | Phan Anh | Nguyễn Duy Trinh | An Đông | 110 | 9,5 | 6 | Nhựa | **Ngũ Đông** |
| **II** | **PHƯỜNG GIA HỘI: 03 tuyến** | | | | | | | | |
| 6 | Đường QH 11,5 | Thế Lại | Thế Lại 1 | Gia Hội | 380 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Tôn Thất Đào** |
| 7 | Đường QH 11,5 | Tôn Thất Đào | Thế Lại 1 | Gia Hội | 180 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Hoàng Châu Ký** |
| 8 | Đường QH 11,5 | Thế Lại | Tôn Thất Đào | Gia Hội | 200 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Thế Lại 1** |
| **III** | **PHƯỜNG HƯƠNG AN: 01 tuyến** | | | | | | | | |
| 9 | Đường vào làng Thanh Chữ | Đường gom đường sắt Bắc Nam | Đường liên tổ | Hương An | 1.100 | 5,5-11,5 | 5,5 | Nhựa - Bê tông | **Thanh Chử** |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **IV** | **KHU QUY HOẠCH AN HÒA - HƯƠNG SƠ: 06 tuyến** | | | | | | | | |
| 10 | Đường KQH Hương Sơ GĐ1 | Mai Lượng | Niệm phật đường Đức Bưu | Hương Sơ | 210 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Nguyễn Thị Hựu** |
| 11 | Đường KQH Hương Sơ GĐ4 | Nguyễn Duy Hiệu | Khu xem ghép tổ 4 Hương Sơ | An Hòa - Hương Sơ | 500 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Cầm Bá Thước** |
| 12 | Đường KQH Hương Sơ GĐ4 | Nguyễn Duy Hiệu | Mai Lượng | An Hòa - Hương Sơ | 350 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Nguyễn Ngọc Thăng** |
| 13 | Đường KQH Hương Sơ GĐ4 | Nguyễn Duy Hiệu | Phạm Thận Duật | An Hòa - Hương Sơ | 130 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Hùng Lĩnh** |
| 14 | Đường KQH Hương Sơ GĐ4 | Nguyễn Duy Hiệu | Phạm Thận Duật | An Hòa - Hương Sơ | 130 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Dạ Trạch** |
| 15 | Đường KQH Hương Sơ GĐ4 | Nguyễn Duy Hiệu | Mai Lượng | An Hòa - Hương Sơ | 400 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Trần Trọng Cung** |
| **V** | **PHƯỜNG PHÚ THƯỢNG: 01 tuyến** | | | | | | | | |
| 16 | Đường liên tổ | Gia Lạc | Phạm Văn Đồng | Phú Thượng | 600 | 6 | 6 | Bê tông | **Phổ Nam** |
| **VI** | **PHƯỜNG THỦY VÂN: 02 tuyến** | | | | | | | | |
| 17 | Tuyến đường 36m KQH TD1 | Lê Đức Anh | Nhà bà Huỳnh Thị Thúy | Thủy Vân | 400 | 36 | 24 | Nhựa | **Nguyễn Lân** |
| 18 | Kiệt 8 Xuân Hòa | Lê Đức Anh | Kiệt 15 Xuân Hòa | Thủy Vân | 550 | 5,5 | 5 | Bê-tông | **Nguyễn Viết Song** |
| **VII** | **PHƯỜNG THỦY XUÂN: 06 tuyến** | | | | | | | | |
| 19 | Đường QH Bàu Vá | Đồng Khởi | Điện Biên Phủ | Thủy Xuân - Trường An | 550 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Bùi Huy Tín** |
| 20 | Đường QH Bàu Vá | Hà Văn Chúc | Bùi Huy Tín | Thủy Xuân | 230 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Đắc Lập** |
| 21 | Đường QH Bàu Vá | Đắc Lập | Hà Văn Chúc | Thủy Xuân | 75 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Đắc Lập 1** |
| 22 | Đường QH Bàu Vá | Đắc Lập | Hà Văn Chúc | Thủy Xuân | 75 | 11,5 | 5,5 | Nhựa | **Đắc Lập 3** |
| 23 | Đường liên tổ 5-9 | Thanh Hải | Ngã 3 chùa Bảo Lâm | Thủy Xuân | 1.300 | 7 | 7 | Bê tông | **Thu Bồn** |
| 24 | K65 Lê Ngô Cát | Lê Ngô Cát | K106 Minh Mạng | Thủy Xuân | 800 | 6 | 6 | Bê tông | **Vũ Phạm Khải** |